

PHÁT HUY VAI TRÒ KHOA HỌC KỸ THUẬT THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT II CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

NGUYỄN HỮU QUÁN

NGHỊ quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa IV họp lần thứ hai đã kiểm điểm sâu sắc tình hình nông nghiệp và lãnh đạo nông nghiệp trong thời gian qua, đề ra những phương hướng và biện pháp đúng đắn để phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Nghị quyết cũng đã vạch rõ những yêu cầu chính đối với công tác khoa học kỹ thuật nông nghiệp, đối với việc trang bị kỹ thuật và cung cấp vật tư cho nông nghiệp, tức là đã nêu ra nhiệm vụ cụ thể cho tất cả các ngành khoa học kỹ thuật trong nước ta để thực hiện cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật trong nông, lâm, ngư nghiệp, trước mắt là đề đạt và vượt những chỉ tiêu chính của kế hoạch 5 năm (1976 — 1980).

Xã luận báo Nhân Dân ngày 26-8-1977 đã nêu rõ: « Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học phải trở thành mối quan tâm hàng đầu của các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các cấp quản lý nông nghiệp ».

Từ mấy tháng nay, trên các báo chí, nhiều đồng chí cán bộ khoa học kỹ thuật đã nói lên ý nghĩ của mình về vấn đề: phải làm gì trong mỗi ngành khoa học kỹ thuật để phục vụ tốt cho nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, đề tăng nhanh sản lượng lương thực. Trong bài này, chúng tôi chỉ xin góp thêm một số ý kiến về tình hình khoa học kỹ thuật nông nghiệp của ta và mấy trọng điểm cần tập trung cố gắng của các ngành khoa học kỹ thuật, để đưa nông nghiệp nước ta tiến lên vững chắc, mạnh mẽ.

Hiện nay, theo quan điểm khoa học kỹ thuật người ta thường xét trình độ và tương lai phát triển nông nghiệp của một nước trên ba mặt:

1) Trình độ hiểu biết và sử dụng, cải tạo điều kiện thiên nhiên (môi trường đất, nước, khí hậu).

2) Trình độ sử dụng và cải tạo công cụ sinh vật (loài giống cây trồng, vật nuôi); kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, để phát huy khả năng của loài giống.

3) Trình độ trang bị kỹ thuật cho sản xuất, chế biến nông sản.

Lịch sử nông nghiệp thế giới cũng là lịch sử những chuyển biến cách mạng đã xảy ra về ba mặt trên:

a) Thay đổi cách sử dụng đất, luân canh cây hạt cốc với cây họ đậu, đảm bảo cân đối trồng trọt — chăn nuôi, đồng thời cải tạo đất (như ở Anh vào thế kỷ 18, có thể gọi là cách mạng về cơ cấu nông nghiệp).

b) Chọn giống, lai giống, hay sử dụng những loài cây trồng, loài vật nuôi mới để nâng cao hiệu suất sinh vật trong trồng trọt, chăn nuôi, (như những cuộc « cách mạng xanh » đã diễn ra ở một số nước). Những chuyển biến về giống loài và kỹ thuật canh tác này có thể gọi là những cuộc cách mạng sinh học trong nông nghiệp.

c) Cơ giới hóa, hóa học hóa, thủy lợi hóa, đưa vào nông nghiệp những thiết bị, vật tư của công nghiệp, tổ chức quản lý theo quy mô gần như công nghiệp... có thể gọi chúng là cuộc cách mạng công nghiệp hóa nông nghiệp.

Về cả ba mặt đó, Nghị quyết II đã đánh giá đúng tình hình nông nghiệp ta hiện nay vạch ra phương hướng chính xác cho công tác khoa học kỹ thuật, và biện pháp thực hiện để đạt các mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài.

I. Về mặt sử dụng hợp lý điều kiện đất đai, khí hậu, tiến hành cuộc cách mạng về cơ cấu trong nông nghiệp.

Nghị quyết đã chỉ rõ: phải « xác định được nhanh chóng những căn cứ khoa học (tự nhiên, kinh tế, xã hội) để tổ chức lại nền sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của từng địa phương »; phải « xác định cơ cấu các giống lúa, bố trí hợp lý các mùa vụ, ở các vùng khác nhau, nhằm phát huy cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, tránh được những mặt không thuận lợi và tận dụng những mặt thuận lợi của khí hậu thời tiết, thủy văn »; và phải « làm tốt hơn nữa việc nghiên cứu cải tạo đất chua, mặn, đất bạc màu, kỹ thuật thâm canh trên đất dốc ».

Thực hiện được những điểm này của Nghị quyết, chúng ta sẽ thay đổi được bộ mặt nông, lâm nghiệp của nhiều vùng, đưa vào sản xuất và đời sống các chủ trương, quy hoạch vùng nông, lâm nghiệp, thâm canh tăng vụ trên toàn bộ diện tích canh tác, mở thêm diện tích canh tác mới, tạo địa bàn và những điều kiện căn bản để đạt và vượt các chỉ tiêu: 21 triệu tấn lương thực (lúa và màu), 1 triệu tấn thịt hơi, trên 1 triệu tấn cá, 98 vạn hecta cây công nghiệp và cây ăn quả, khai hoang 1 triệu hecta, trồng mới 1,2 triệu hecta rừng... Đây không những là nhiệm vụ của các ngành thổ nhưỡng - nông hóa, quản lý ruộng đất, trồng trọt, chăn nuôi, lâm học, nuôi trồng và khai thác thủy sản, mà còn là nhiệm vụ của các ngành và các bộ môn địa lý, khí hậu học, sinh thái học, thủy lợi, thủy văn, đồ bản, kinh tế học nông lâm nghiệp...

1) Về sử dụng hợp lý đất đai, đến nay chúng ta đã làm được bản đồ thổ nhưỡng 1 phần triệu, tiếp đến bản đồ 1/500 000 cho cả nước, lập bản đồ 1/50 000 và 1/25 000 về đất nông nghiệp cho các tỉnh.

Chúng ta cần hợp sức nhau để nắm chắc hơn nữa vốn đất dành cho nông, lâm nghiệp của nước ta, nhanh chóng phân hạng đất đai theo những tiêu chuẩn toàn diện về chất đất, tầng dày, độ ẩm, độ dốc, độ xói mòn và hiện trạng thực bì. Có như vậy mới đủ căn cứ để quy hoạch cụ thể cho từng huyện, từng nông trường, hợp tác xã những khu đất trồng cây lương thực, cây công nghiệp hàng năm, và những khu dành cho cây lâu năm, cho đồng

cổ bãi chắn, cho lâm nghiệp, ngư nghiệp. Có như vậy chúng ta mới có thể biến thành hiện thực các số liệu tính theo tiềm năng của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, như bình quân đầu người 2.700m² đất nông nghiệp, 1.900m² đất lương thực cho năm 1980.

Lực lượng khoa học kỹ thuật của các ngành thổ nhưỡng - nông hóa, quản lý ruộng đất, thủy lợi - thủy văn, trồng trọt, chăn nuôi, địa lý - sinh vật học... cũng cần hợp tác chặt chẽ để phát huy kết quả các thí điểm ở phía bắc, thực hiện những chương trình rộng lớn về cải tạo đất:

+ Cải tạo 2 triệu hecta đất chua phèn và chua mặn bằng các biện pháp rửa mặn thua chua bằng nước ngọt và nước lợ, với nhiều biện pháp, công trình, bón vôi, apatit nghiền, cây ải đúng mức độ, dùng giống chống chịu sâu bệnh.

+ Cải tạo 2 triệu hecta đất bạc màu bằng cách cây sâu dần, tăng phân khoáng, phân hữu cơ, tưới nước phù sa, ngăn chặn rửa trôi theo chiều ngang và chiều dọc. Đã có ý kiến đề ra việc làm những mương nổi lớn để đưa nước phù sa Sông Hồng tưới cho đất bạc màu vùng trung du Bắc Bộ.

+ 6 triệu hecta đất dốc cần được cải tạo địa hình, làm ruộng bậc thang, vạch đường vành nón để canh tác theo đúng đường đồng mức, gây giống cây phân xanh, cây phủ đất để chống xói mòn, bón phân lân, thực hiện thâm canh trên đất dốc. Làm được việc này chúng ta sẽ thay đổi hẳn bộ mặt nhiều vùng đồi núi, tạo được cơ sở lương thực ổn định, từ đó phát triển vững chắc cây công nghiệp, chăn nuôi đàn gia súc, trồng rừng và bảo vệ rừng, thực hiện định canh định cư. Các hợp tác xã tiên tiến ở trung du, miền núi như hợp tác xã Đông Lai huyện Tân Lạc (tỉnh Hà Sơn Bình) đã chứng tỏ điểm này. Làm được việc này, chúng ta sẽ tránh được những sai lầm, như phát triển cây hằng năm ở những vùng đất đỏ bazan rất dễ hỏng mà không có biện pháp giữ rừng, phủ đất, chống xói mòn do nước và do gió.

+ Ở các vùng đồng bằng, công việc cải tạo mặt bằng ruộng đất cũng cần được hướng dẫn trên quy mô lớn: từ 8 vạn hecta ruộng đất hoang hóa ở phía bắc, đến các vùng ruộng lúa menh mông ở Nam Bộ, các vùng bãi ven Sông Hồng và sông Cửu Long để trồng ngô, đỗ, mía, đậu, dâu tằm, 10 - 15% diện tích trồng trọt dành cho sản xuất thức ăn gia súc, theo Nghị quyết, cũng cần được xây dựng và cải tạo để đạt khối lượng và chất lượng thức ăn cao nhất, thực hiện cơ cấu mới trong trồng trọt, cân đối với chăn nuôi.

2) Đề sử dụng hợp lý tài nguyên *khí hậu*: vào khoảng cuối năm 1977 đầu năm 1978 ngành khí tượng sẽ sơ kết đề tài nghiên cứu phân vùng khí hậu nông nghiệp. Chúng ta mong sẽ có những căn cứ khoa học đầu tiên để định ranh giới các vùng trồng cây nhiệt đới lâu năm điển hình như cao su, hồ tiêu, dừa, cọ dầu, cacao... ranh giới những vùng làm ổn định 2 - 3 vụ lúa, hay 1 vụ lúa và 1 vụ mỳ, mạch rau củ mùa đông. Biên độ biến động của nhiệt, ẩm cũng sẽ được xem xét để làm căn cứ cho việc xác định cơ cấu mùa vụ ở phía nam, thời vụ lúa xuân và khả năng phát triển rộng khắp vụ đông ở phía bắc (có tính đến những biện pháp nhân tạo để giành chủ động về mùa vụ như làm mạ ẩm, che ny lông, làm vườn ương cơ giới hóa, tưới phun hoặc tưới ngầm...)

3) *Phân vùng cây trồng vật nuôi*, định ranh giới phân bố từng cây, từng con theo các chỉ tiêu sinh thái học, phải là công trình hợp tác của nhiều cán bộ địa lý, kinh tế, sinh học và trồng trọt, chăn nuôi, không phải chỉ là công việc nghiệp vụ đơn thuần của Cục Điều tra quy hoạch nông nghiệp. Ví dụ: cây Bơ (Trung Quốc gọi là Lê dầu, phương Tây gọi là Avocado) cho quả chứa tới 30% chất béo rất dễ tiêu. 1kg quả bơ có giá trị năng lượng bằng 1kg thịt. Cây bơ đã được trồng khá phổ biến ở Lâm Đồng và miền Đông Nam Bộ, rất thích hợp với đất đỏ bazan. Nhưng ở khu Cham Giang miền nam Trung Quốc cũng đã nhập nội thành công. Vậy khả năng phân bố cây này ở nước ta đến đâu, với các chỉ tiêu sinh thái: nhiệt độ thích hợp nhất là 25°C (trung bình các tháng nóng) và 15°C (trung bình các tháng lạnh), mưa cần 1200 mm hàng năm phân bố đều, không thích hợp ở núi cao (làm quả chín chậm), yêu cầu đất sâu (dày khoảng 1m), cát hay thịt pha, thoát nước (nước ngầm ở dưới 2 mét), độ pH khoảng 5-6,5.

— Ở những vùng có khí hậu nhiệt đới rõ rệt, nên trồng cam hay chanh, bưởi để xuất khẩu trên những loại đất thích hợp cho cả ba loài.

— Một số vùng cao nguyên trồng chè có chất lượng cao, đồng thời cũng thích hợp cho bò sữa, nên xác định phương hướng sản xuất thế nào là hợp lý?

— Trên một khu vực, tỷ lệ diện tích rừng che phủ nên định bao nhiêu là thích hợp, theo vị trí của khu vực ấy trong một lưu vực sông hồ?

— Cây cà phê arabica rất cần cho xuất khẩu, nhưng cần đất tốt, không có mưa mùa đông, và kỵ sương muối, thường dồn xuống các thung lũng. Vậy nên quy hoạch thế nào ở một nông trường lớn? Đó là những câu hỏi

lớn nhỏ khác nhau, khó trả lời một cách đơn giản, mà cần được giải đáp khoa học, để làm căn cứ cho phân vùng quy hoạch.

Chúng tôi nêu lên mấy vấn đề như trên trong mặt thứ nhất của phát triển nông nghiệp (sử dụng điều kiện tự nhiên) cũng đồng thời là nêu những phần tồn tại trong khoa học kỹ thuật nông nghiệp của ta, song không dám đánh giá thấp những thành tựu chung trong mấy chục năm qua, chỉ mong được sự đồng tình trong phương hướng hợp tác, phấn đấu.

II. Về mặt sử dụng, cải tạo loài giống cây trồng, vật nuôi, và xây dựng kỹ thuật thích hợp để thực hiện cuộc cách mạng sinh học trong nông nghiệp.

Về mặt này, Nghị quyết cũng đã chỉ ra nhiều điểm cụ thể như: phê phán việc « xem nhẹ các loại màu trong cơ cấu lương thực », chậm « phát huy ưu thế của nông nghiệp nhiệt đới », và đã ghi rõ trong phần khoa học kỹ thuật: « trên phạm vi cả nước, cần nghiên cứu giải quyết tốt việc nhân và sản xuất các giống cây lương thực (lúa, ngô, sắn, khoai lang, khoai tây): các loại cây công nghiệp quan trọng (như đậu tương, lạc, cọ, dầu, sô, mía, bông, dâu tằm, cao su, cà phê, chè, thuốc lá, cây làm thuốc). Đặc biệt chú trọng giải quyết giống ngô năng suất cao để phát triển chăn nuôi. Về giống con, chú trọng chọn lọc, lai tạo, nhân và sản xuất giống lợn, giống trâu bò lấy thịt và lấy sữa, giống gia cầm... ».

Kiểm điểm tình hình mấy năm qua, trong công tác khoa học kỹ thuật chúng ta đã có những ưu điểm như: nhập và chọn lọc lai tạo được những giống lúa mới năng suất cao, một số giống hoa màu và cây công nghiệp tốt, lai kinh tế và lai tạo được những giống lợn, giống bò, giống gà mới, hơn hẳn giống cũ về năng suất, sản lượng, đồng thời nghiên cứu được những kỹ thuật, thời vụ thích hợp với điều kiện của ta, như lúa xuân, khoai tây vụ đông; một số kinh nghiệm nhân dân được phát huy, như việc phát triển bèo dâu làm phân bón và thức ăn gia súc; một số kỹ thuật hiện đại đã được tiếp thu, thí nghiệm, như biện pháp phòng trừ bằng sinh vật và phòng trừ tổng hợp trong bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó, những khuyết điểm cần nhìn nhận sâu sắc là: chậm phát triển nghiên cứu và triển khai về phía hoa màu, cây công nghiệp, đồng cỏ chăn nuôi trong một nước có 3/4 diện tích là đồi núi, lại có nhiều ưu thế về khí hậu nhiệt đới đa dạng như nước ta. Trong khoa học kỹ thuật nông nghiệp, chậm phát triển các bộ môn di truyền chọn giống — nhân giống, thực vật học nông nghiệp (agrobotanique) và môn học về các loại cỏ hòa

thảo (agrostologie)... Hậu quả là cho đến nay, nhiều loài cây chưa được sử dụng đúng mức, hoặc bị lãng quên, như muồng sợi, trâu, thau dầu... mặc dù nhiều kết quả nghiên cứu từ trước có thể thừa kế. Trong sản xuất, còn phổ biến tình trạng giống lẫn, ruộng lúa 2-3 tầng... do kỹ thuật nhân giống không tốt.

Để tạo được một chuyển biến cách mạng về giống cây trồng vật nuôi, cần có một chương trình toàn diện về công tác giống, từ điều tra nghiên cứu đến quản lý kỹ thuật, với sự tham gia của các ngành nông - lâm nghiệp, công nghiệp xây dựng và sinh vật học. Trong chương trình này, cả bốn khâu: *nghiên cứu thí nghiệm* (làm tập đoàn giống, chọn lọc, lai tạo, gây đột biến...) *thử giống* (khu vực hóa) xác nhận đăng ký để đưa vào sản xuất, *nhân giống* và *kiểm nghiệm* giống... đều cần được tổ chức và trang bị tốt.

1. Về điều tra nghiên cứu. chúng ta, một mặt, phải sưu tầm và cất giữ toàn bộ các loài giống có đặc tính có lợi ở các địa phương (điều này rất quan trọng, vì nước ta là một trong những trung tâm phát sinh nhiều loài giống trên thế giới, không sưu tầm cất giữ thì sẽ mất đi rất nhiều thực liệu quý trước sự lan tràn của một số ít giống mới, còn nhiều nhược điểm). Mặt khác, phải biết tập trung nghiên cứu chọn lọc và cải tạo một số đối tượng chính. Vì điều kiện tài nguyên càng phong phú, vấn đề sử dụng tài nguyên thế nào cho hợp lý và có hiệu quả nhất càng phức tạp. Mỗi nước phải giành ưu tiên chuyên môn hóa cho những giống loài, có điều kiện thích hợp nhất với tồn phí công của tương đối ít, để sản xuất những sản phẩm tất yếu nhất cho mình. Ví dụ: hiện nay, để giải quyết vấn đề lương thực, nhiều nơi chú trọng phát triển cây sắn, vì dễ trồng, dễ đạt năng suất cao, ít mất mùa, dễ cất trữ lâu niên trong đất. Nhưng nếu 1 hecta kê hay cao lương (lúa miến) cho 2 100 000 calo và 58 200g protit, thì 1 hecta sắn cho 3 500 000 calo mà chỉ có 12 000g protit với chất lượng đạm rất kém (rất ít các loại axit amin có lưu huỳnh, rất ít lizin). Vì vậy, nếu 1 hecta cao lương với sản lượng một năm có thể nuôi đủ 1 000 người ăn trong một ngày, thỏa mãn cả hai mặt nhu cầu năng lượng và protit, thì 1 hecta sắn với sản lượng 1 năm, đủ cung cấp calo cho 1 700 người trong 1 ngày, nhưng về mặt protit chỉ đủ cho 240 người, mặc dù lá sắn non có nhiều đạm.

Do đó, hoặc là phải đi mạnh vào nghiên cứu cao lương, gây giống năng suất cao với những dòng bất thụ dục, xây dựng kế hoạch chống hạn giữ ẩm và chống xói mòn từ đầu, hoặc là phải lai tạo những giống sắn mới, thời gian sinh trưởng ngắn, lại có năng suất

cao và hàm lượng đạm khá, đồng thời xây dựng kỹ thuật trồng sắn xen cây phủ đất họ đậu, bảo đảm chống xói mòn, bồi dưỡng đất.

2. Về các khâu tiếp theo, các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp phải sớm xây dựng đầy đủ hệ thống các trại, diêm thử giống cho những cây trồng, vật nuôi chính, làm căn cứ cho hoạt động của Hội đồng giám định giống Nhà nước; cải tiến tổ chức và trang bị các trại nhân giống cấp 1,2,3... để đảm bảo sản xuất đúng tiêu chuẩn chất lượng. Theo kinh nghiệm các nước tiên tiến, hệ thống trại giống càng được trang bị hiện đại (với những máy sàng lọc, thiết bị phơi sấy thích hợp cho yêu cầu của hạt giống, những kho bảo quản không chế được nong ẩm, sâu bệnh... nhờ sự giúp đỡ của công nghiệp) thì càng dễ đi vào sản xuất lớn, bớt những khâu trung gian ở cấp dưới; nếu trang bị còn kém, thì nên dựa vào cơ sở sản xuất giống của nhân dân. Nhà nước giúp đỡ phương tiện và tập trung làm tốt giống nguyên chủng, giống cấp 1. Việc kiểm nghiệm giống cũng cần được trang bị tối thiểu (dụng cụ đo độ ẩm, độ thuần, độ nhiễm sâu bệnh của hạt giống, công cụ xác định nhanh chất lượng con giống như máy đo độ dày của lớp mỡ thân trên lưng lợn...) và cũng phải trở thành một công tác nghiệp vụ có đội ngũ chuyên trách.

Đối với một số loài giống cây đặc biệt như khoai tây, cần có hệ thống giống vô bệnh gây từ mô phân sinh của những cây đã kiểm nghiệm kỹ, có sự hỗ trợ trao đổi giống giữa miền núi cao và miền đồng bằng.

Bèo dậu là một cây phân xanh độc đáo của ta, đang gặp khó khăn vì mất dần diện tích gây ương trước phong trào tăng vụ cây lương thực, cần có kế hoạch giành diện tích để gây giống trong từng huyện, từng hợp tác xã đồng thời xúc tiến việc nghiên cứu sản xuất bèo theo những phương pháp mới, chủ động hơn và ít tốn công hơn.

Các giống có hòa thảo, có họ đậu, cây phân xanh phủ đất phải được coi trọng về mặt sản xuất hạt giống, định quy trình kỹ thuật sản xuất, bảo quản, để đảm bảo phát triển chăn nuôi, bồi dưỡng và cải tạo đất.

Ngoài công tác giống, trong việc nghiên cứu ứng dụng sinh vật học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, muốn gây được những chuyển biến cách mạng về phòng trừ sâu bệnh, về áp dụng các chất kích thích sinh trưởng, các hoạt chất có tác dụng sinh lý cao, về kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi mới, theo những thành tựu hiện đại của sinh học quần thể, của sinh thái học... cũng cần được sự tham gia đông đảo, có tổ chức của cán bộ sinh vật học, cán bộ hóa công nghiệp, và của

các ngành tuyên truyền giáo dục, vật tư để tổ chức phổ biến nhanh những kết quả đã được chứng nghiệm, như dùng ong mắt đỏ *Trichogramma* và các loại nấm vi khuẩn có ích để phòng trừ sâu bệnh, dùng gibberelline để tăng năng suất rau, đậu, chè..., dùng NAA để gây giống tre, luồng v.v... Kinh nghiệm của các nước bạn đã chứng tỏ: mỗi chủ trương kỹ thuật mới cần có tổ chức tỉ mỉ, từ cấp tỉnh, huyện đến cơ sở sản xuất, và nhiều khi biện pháp sinh học cũng cần sự viện trợ của khoa học kỹ thuật công nghiệp, như máy đo nồng độ giberellin, đèn phát tia tử ngoại để thu hút côn trùng giúp cho dự báo đúng sâu hại, thực hiện biện pháp phòng trị tổng hợp.

III. Quản lý kỹ thuật, cơ giới hóa, điện khí hóa, hóa học hóa... thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp hóa nông nghiệp.

Được sự chi viện của công nghiệp trong và ngoài nước, nông nghiệp của ta bình quân được trang bị 2-3 công cụ cho một lao động, nhưng có loại thiếu (như cày, bừa cải tiến), có loại thừa (như cào cỏ cải tiến); chất lượng nhiều thứ còn xấu, và cũng mới phục vụ cho sản xuất lúa là chính, còn đối với nhiều loại hoa màu, cây công nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản... trang bị công cụ chưa có tác dụng gì mấy của khoa học kỹ thuật.

Về cơ khí nhỏ, nhiều tỉnh đồng bằng đã đạt tới 50 mã lực cho 100 hecta, kể cả động cơ điện, với các máy công tác như bơm nước, máy xay xát, đập lúa, nghiền thái thức ăn gia súc, máy kéo nhỏ phay đất, vốn đầu tư nhiều nơi chiếm tới 30-50% vốn cố định của hợp tác xã, nhưng hiệu quả kinh tế thường chưa rõ.

Về máy kéo cỡ vừa và lớn: đã được sử dụng tương đối mạnh ở ruộng khô và ruộng nước, nhưng cơ khí hóa chưa đồng bộ, chi phí còn cao. Kết quả chung của trang bị công cụ cơ khí tổ chức lao động là hiện nay năng suất lao động trong công nghiệp mới đạt 0,5-0,7 hecta gieo trồng cho mỗi lao động nông nghiệp, 1 tạ thóc tốn ít nhất 5 công, có nơi 15-20 công. Để cải tiến tình hình trên:

a) Về mặt tiến bộ kỹ thuật, cần có trạm khảo nghiệm của Nhà nước để xác định các kiểu mẫu công cụ và máy được phép đưa vào sản xuất, cần cơ giới hóa đồng bộ (kết hợp với công cụ cải tiến) ở một số địa bàn trọng điểm hóa và vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng chăn nuôi với tác động hiệp đồng của các ngành khoa học kỹ thuật nông nghiệp, công nghiệp cơ điện, xây dựng, giao thông, kinh tế.

b) Về mặt nghiên cứu, cần tập trung thiết kế chế tạo hệ thống máy công tác đi theo

máy kéo cho canh tác lúa, màu và cây công nghiệp chính; nghiên cứu cơ giới hóa tổng hợp cho những trại lợn quy mô lớn, và hệ thống máy phục vụ trồng cỏ, cách tưới và chế biến cỏ; hệ thống máy phục vụ cho công tác giống, công tác bảo quản và chế biến nông sản.

2) Ở một số điểm chăn nuôi gà công nghiệp, trồng chè, cao su, cam theo kỹ thuật hiện đại, chúng ta đã thấy hình ảnh của sản xuất nông nghiệp đi vào quy mô công nghiệp hóa, với những quy trình tiêu chuẩn kỹ thuật chặt chẽ. Còn nhìn chung, trong sản xuất đại trà, nông nghiệp ta còn ở giai đoạn công trường thủ công hay hiệp tác giản đơn, sản xuất chưa có quy trình tiêu chuẩn và phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Yêu cầu chung, như Nghị quyết II đã nêu, : «Sớm xây dựng một nền nếp quản lý kỹ thuật phù hợp với phương thức sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa .. xác định những khâu kỹ thuật cụ thể đối với những cây con chủ yếu làm cơ sở cho việc xây dựng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn và định mức, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất một cách nhanh chóng và vững chắc».

Để đáp ứng yêu cầu trên, cần đưa dần vào quản lý nông nghiệp mấy yếu tố không thể thiếu được trong nông nghiệp hiện đại là:

a) Dùng những phương pháp kiểm nghiệm và đo lường ngày càng chính xác hơn.

b) Tổ chức sản xuất một cách khoa học, có chuẩn bị, có quy định, có kiểm tra, gần như trong công nghiệp, tùy theo khả năng dự báo và khống chế những biến chuyển của môi trường (đất, nước, khí hậu thời tiết, sâu bệnh...)

c) Tăng cường việc phục vụ kỹ thuật (phân tích nông hóa, dự báo sâu bệnh, dự báo khí tượng, chẩn đoán thú y); tiến đến có sự hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa phòng thí nghiệm, ruộng thí nghiệm và sản xuất kinh doanh.

Một khâu mấu chốt trong tổ chức thực hiện là *tăng cường việc quản lý sản xuất và kỹ thuật ở cấp huyện*, có đội ngũ cán bộ kinh tế và kỹ thuật biết phân tích hoạt động kinh doanh của các nông trường - hợp tác xã trong phạm vi huyện, đánh giá kết quả sản xuất theo những tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật thống nhất, cho phép so sánh kết quả đầu tư trên mỗi đơn vị đất nông nghiệp có ích, kết quả sản xuất của mỗi đơn vị lao động... từ đó tìm ra nguyên nhân hay, dở và biện pháp khắc phục.

Hoạt động của những trung tâm quản lý kinh tế kỹ thuật cấp huyện này sẽ gắn liền

(Xem tiếp trang 38)

cả nước, với những biện pháp cụ thể. Kế hoạch đó cũng cần đề ra được những việc phải làm trước mắt, những việc phải thực hiện lâu dài. Mười điểm trên thành một khối đồng bộ, cần phải thực hiện đầy đủ mới đi đến được mục tiêu khống chế và thanh toán bệnh lao. Nhưng mặt khác, phải thấy rõ trọng tâm trước mắt của kế hoạch, về mặt chuyên môn phải hết sức chú ý: đó là công tác BCG, công tác phát hiện [để điều trị, công tác lọc loại bệnh nhân cũ. Trong ba điểm này thì then chốt là công tác phát hiện để điều trị dứt điểm nguồn lây chính. Công tác này về lý luận cũng như về thực hành có những điểm tương đối mới đối với chúng ta. Chúng ta chưa thật thành thục đối với vấn đề này, nhưng đây lại là điểm mấu chốt, vì nếu ta thực hiện tốt điểm này sẽ có tác dụng quyết định đến tốc độ giải quyết khống chế bệnh lao. Ngược lại, nếu làm không tốt thì công tác chống lao sẽ bị chậm trễ.

Chúng ta càng thấy rõ tầm quan trọng của công tác phát hiện nguồn lây chính để điều trị dứt điểm. Với nhận thức này, cần đẩy mạnh việc bồi dưỡng và đào tạo cán bộ, trước hết là phải đào tạo xét nghiệm viên ở các huyện,

đào tạo thêm cán bộ cho tỉnh phía nam, bồi dưỡng những điểm cơ bản của chương trình chống lao cho cán bộ chủ chốt của từng địa phương.

Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền để có kế hoạch chống lao cho địa phương mình hết sức quan trọng. Trong kế hoạch này, nhất thiết ty y tế và trạm chống lao phải có điểm chỉ đạo để thực hiện rút kinh nghiệm ba vấn đề chuyên môn: tiêm chủng BCG, phát hiện nguồn lây chính để điều trị dứt điểm, lọc loại bệnh nhân cũ. Điểm chỉ đạo này cũng là cơ sở để đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và để mở rộng diện nhanh chóng đưa công tác chống lao lên một cao trào mới, đúng với tinh thần Nghị quyết IV của Đảng.

Được Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng soi sáng, nhất định ngành y tế nói chung và chuyên khoa lao nói riêng, sẽ gây được một phong trào sôi nổi, khai thác mọi khả năng tiềm tàng, phấn đấu đẩy mạnh sự nghiệp chống lao của cả nước, thực hiện bằng được nhiệm vụ chính trị là: *thanh toán bệnh lao trong thời gian ngắn nhất.*

Phát huy vai trò khoa học kỹ thuật...

(Tiếp theo trang 28)

với việc tổ chức lại hệ thống cơ sở nghiên cứu và chỉ đạo kỹ thuật từ trung ương đến địa phương, như một số bài đăng trên tạp chí này đã đề cập đến. Việc huy động lực lượng giáo viên và học sinh ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, lực lượng giáo viên và học sinh phổ thông vào những chương trình rộng lớn nghiên cứu thí nghiệm và đưa

tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, việc bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật cho cán bộ nhân dân ở cơ sở như nghị quyết đã chỉ rõ, sẽ là những yếu tố quan trọng để gây một phong trào quần chúng tiến quân mạnh mẽ vào khoa học kỹ thuật nông, lâm nghiệp, làm cho cách mạng khoa học—kỹ thuật thực sự đóng vai trò then chốt trong ba cuộc cách mạng ở nông thôn nước ta.